

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH BẢO
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/DS-ST
Ngày 26-02-2024
V/v tranh chấp lần chiếm quyền sử
dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH BẢO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Quyết

Bà Nguyễn Thị Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ly Ly - Thư ký Toà án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện VB tham gia phiên tòa: Ông Đào Duy Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng xét xử S thẩm công khai vụ án thụ lý số 45/TLST-DS ngày 30 tháng 6 năm 2023 về việc “Tranh chấp lần chiếm quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2024/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 12 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2024/QĐST-DS ngày 26 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Bùi Kim Đ ; nơi cư trú: Thôn A, xã CA, huyện VB, thành phố Hải Phòng; có mặt.

Người B vệ quyền lợi ích hợp pháp của ông Bùi Kim Đ : Ông Trần Minh N, Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước thành phố Hải Phòng; có mặt

- Bị đơn: Ông Bùi Kim D ; nơi cư trú: Thôn A, xã CA, huyện VB, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Bùi Thị B ; nơi cư trú: Thôn A, xã CA, huyện VB, thành phố Hải Phòng. Người đại diện theo ủy quyền của bà Bùi Thị B , ông Bùi Kim Đ (là chồng); nơi cư trú: Thôn A, xã CA, huyện VB, thành phố Hải Phòng; bà B vắng mặt, ông Đ có mặt

2. Cụ Nguyễn Thị L ; nơi cư trú: Thôn A, xã CA, huyện VB, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt)

3. Bà Nguyễn Thị L1 ; nơi cư trú: Thôn A, xã CA, huyện VB, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt)

4. Bà Bùi Thị D; nơi cư trú: Thôn A, xã CA, huyện VB, thành phố Hải Phòng; có mặt

5 Bà Bùi Thị P ; nơi cư trú: Số A, ngõ B, KTD, Phường DV, quận CG, thành phố Hà Nội; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI D VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Bùi Kim Đ và người B vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 12-12-1995 ông Bùi Kim Đ được Ủy ban nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 420m², tại thửa 859; 860 tờ bản đồ số 04; Xóm A, CA, huyện VB, thành phố Hải Phòng. Diện tích, kích thước thể hiện: Phía bắc giáp ông Bùi Kim T: 13,0m, phía nam giáp đường: 12,3m; phía đông giáp mương và đường kích thước: 22,7m; 5,5m; phía tây giáp ông Hoàng Đình S và ông Bùi Kim T (con là Bùi Kim D), kích thước: 10,6m; 1,8m; 12,0m; 8,5m. Nguồn gốc mảnh đất của ông Đ do tổ tiên để lại. Phần đất giáp ranh với gia đình ông Bùi Kim D (đất ở đứng tên ông Bùi Kim T) về phía tây vợ chồng ông đã xây 02 căn nhà từ năm 1976. Năm 1992 ông D xây nhà sát gia đình ông, hai bên vẫn còn khe hở người có thể đi qua lại được. Năm 2021 ông Bùi Kim D phá nhà cũ xây đè nên móng nhà ông, đổ mi luôn vào hàng ngói mũi của ông làm vít lỏi nước chảy của hai gia đình, mỗi khi mưa, nước mưa thấm qua tường vào công trình nhà ông. Phần đất ông D lấn chiếm của gia đình ông, kích thước chiều ngang từ tây sang đông là 0,3m; chiều dài thửa đất theo chiều từ bắc đến nam là 20,5m tổng là 6,16m². Gia đình ông đã đề nghị Ủy ban nhân dân xã CA hòa giải nhiều lần nhưng không Đ kết quả. Nay ông đề nghị Tòa án giải quyết buộc gia đình ông Bùi Kim D phải tháo dỡ công trình xây dựng trên đất bao gồm móng nhà, mi đưa sang khoảng không phần đất của gia đình ông về phía tây là 6,16m² đồng thời để lại khoảng không đất giữa hai gia đình để gia đình ông có lối nước chảy.

Tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai và trong quá trình xét xử, bị đơn ông Bùi Kim D trình bày: Ông là con đẻ của cụ Bùi Kim T và cụ Nguyễn Thị L . Cụ T

chết năm 1995 không để lại di chúc. Ngày 18-12-1995 cụ Bùi Kim T được Ủy ban nhân dân huyện VB cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 259m², tại thửa 862; 861 tờ bản đồ số 04, Xóm A, CA, huyện VB, thành phố Hải Phòng. Kích thước như sau: Phía bắc giáp ông Hoàng Đình S : 13,3m; phía nam giáp đường: 4,0m; 8,5m; phía tây giáp ngõ xóm: 21,8m; phía đông giáp ông Bùi Kim Đ : 14,6m; 6,9m. Cụ T và cụ L sinh được 03 người con là Bùi Thị D, Bùi Thị P và ông là Bùi Kim D. Từ nhỏ ông ở cùng bố mẹ tại mảnh đất này. Năm 1983 ông xây dựng gia đình cùng bà Nguyễn Thị L1. Vợ chồng ông ở tại mảnh đất này và xây dựng các công trình trên đất. Qua nhiều lần làm nhà giữa ông và ông Đ không xảy ra mâu thuẫn tranh chấp về đất ở. Năm 2021 khi ông tu sửa nhà, ông không đào móng mà chỉ làm giằng sắt đổ bê tông lên chính nền móng cũ của gia đình. Với nền móng cũ đã xây dựng từ trước thì ông không lấn đất của ông Đ, ông làm nhà theo kích thước giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bố ông là Bùi Kim T. Ông Đ cho rằng gia đình ông lấn chiếm đất của Đ 6,16m² về phía tây của thửa đất và đề nghị Ủy ban nhân dân xã CA giải quyết là không có căn cứ. Quá trình hòa giải tranh chấp đất thì diện tích của ông Đ sử dụng hiện tại lớn hơn so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần giáp ranh thửa đất của gia đình ông với ông Đ về phía đông theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất kích thước là 21,5m, trong đó 14,6m là đất vườn, 6,9m là đất ao. Sau khi tu sửa nhà thì chiều dài nhà ở của ông tiếp giáp với nhà ông Đ là 8,7m, còn lại là tường ngăn cách giữa hai nhà do ông Đ xây trước khi ông tu sửa nhà. Ông Đ là người trực tiếp xây tường bao ngăn cách giữa hai nhà do đó ông không thể lấn sang đất nhà ông Đ với tổng chiều dài đến 20,5m như ông Đ trình bày. Do công trình xây dựng của ông Đ giáp công trình xây dựng của ông, mỗi khi mưa to nước không thoát kịp nên ông có đồ mi đưa ra khoảng không mục đích ngăn nước chảy của hai gia đình nên nhà ông Đ bị ngập nước. Giữa hai gia đình có xảy ra mâu thuẫn, ông Đ có đơn đề nghị Ủy ban nhân dân xã CA giải quyết, sau đó ông Đ đã phá nhà đến nay chưa làm lại. Ông nhận thấy việc đồ mi đưa ra khoảng không để ngăn nước chảy đã ảnh hưởng đến nhà ông Đ, ông xin tự nguyện phá dỡ phần mi đưa sang nhà ông Đ. Đối với yêu cầu của ông Đ đề nghị ông phải phải tháo dỡ móng để trả 6,16m² đất về phía tây ông đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị B do người đại diện theo ủy quyền là ông Bùi Kim Đ trình bày: Bà là vợ ông Bùi Kim Đ, ông Đ khởi kiện ông Bùi Kim D yêu cầu gia đình ông D phải tháo dỡ móng, phần mi đưa sang khoảng không đất để trả lại 6,16m² đất bà đồng ý với ý kiến của ông Đ, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L1 trình bày: Bà là vợ ông Bùi Kim D. Mảnh đất tại thửa 861; 862 tờ bản đồ số 4, Xóm A, CA đã được Ủy ban nhân dân huyện VB cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 18-

12-1995 đứng tên cụ Bùi Kim T hiện nay vợ chồng bà đang quản lý sử dụng. Ông bà đã xây dựng các công trình trên đất và ở ổn định từ khi cụ T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến nay. Nay ông Đ khởi kiện buộc gia đình bà phải tháo dỡ móng, phần mi đưa sang khoảng không đất của ông Đ với diện tích 6,16m² bà đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L trình bày: Chồng bà là cụ Bùi Kim T có thửa đất số 861, 862 tờ bản đồ số 4, Xóm A, CA đã được Ủy ban nhân dân huyện VB cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 18-12-1995 với diện tích 259m². Năm 1995 cụ T chết không để lại di chúc. Mảnh đất này do con trai bà là ông Bùi Kim D quản lý sử dụng. Bà không tranh chấp đối với thửa đất này. Việc ông Đ khởi kiện ông D bà đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Do tuổi cao vì vậy bà đề nghị giải quyết vắng mặt bà theo quy định.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là các bà Bùi Thị D, Bùi Thị P trình bày: Các bà là con của cụ Bùi Kim T và cụ Nguyễn Thị L. Cụ T và cụ L sinh được 3 anh em gồm bà Bùi Thị D, bà Bùi Thị P và ông Bùi Kim D. Cụ T có mảnh đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 18-12-1995 với diện tích 259m² tại Xóm A, CA, huyện VB, thành phố Hải Phòng. Sau khi cụ T chết ông D cùng vợ là bà Nguyễn Thị L1 trực tiếp quản lý mảnh đất này và xây dựng các công trình trên đất. Các bà không tranh chấp gì đối với mảnh đất này. Việc ông Đ khởi kiện đề nghị gia đình ông D phải trả diện tích đất lấn chiếm các bà đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật

Theo yêu cầu của nguyên đơn: Hội đồng định giá tiến hành xem xét thẩm định, định giá tài sản, kết quả như sau: Về đất: 10.000.000 đồng/m². Tài sản vật kiến trúc trên phần đất tranh chấp: Tài sản nhà ông Bùi Kim D : Nhà ở trị giá: 538.463.654 đồng; sân trị giá: 29.953.297 đồng. Nhà ông Bùi Kim Đ : tường bao trị giá: 11.539.048 đồng. Diện tích bê tông không thép có kích thước 06cm, 01 chiều 30cm, 01 chiều 5cm chạy dài 8,7m trong hệ thống nhà ở của ông Bùi Kim Đ , giá trị mi: 377.169 đồng

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đồng thời phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về: Thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, thu thập chứng cứ, việc xét xử vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; Nguyên đơn, bị đơn chấp hành nghiêm chỉnh yêu cầu của Tòa án về cung cấp chứng cứ, tham gia các hoạt động tố tụng khác theo đúng quy định của pháp luật. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không tham gia đầy đủ các hoạt

động tố tụng. Tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Việc vắng mặt của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 9 Điều 26, Điều 35; Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165, Điều 266, Điều 273, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ các Điều 175, 176, 250 Bộ luật Dân sự; căn cứ các Điều 170, 202, 203 Luật Đất đai; căn cứ Điều 33, 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ Điều 6, Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Bùi Kim Đ buộc ông Bùi Kim D phải tháo dỡ móng nhà trả lại đất cho ông Đ là 6,16m² đất về phía tây tại thửa 859, 860, tờ bản đồ số 4, Xóm A, CA, huyện VB, thành phố Hải Phòng

Ông Bùi Kim D phải tháo dỡ phần mi đưa sang đất của ông Đ với diện tích là 0,34m² để trả lại khoảng không đất cho ông Đ .

Về chi phí tố tụng: Ông Bùi Kim Đ và Bùi Kim D đều phải chịu chi phí tố tụng

Về án phí: Ông Bùi Kim Đ là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên không phải chịu án phí dân sự S thẩm. Ông Bùi Kim D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự S thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ S vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả lại diện tích đất đã lấn chiếm. Bị đơn ông Bùi Kim D hiện nay cư trú tại: Thôn A, xã CA, huyện VB, thành phố Hải Phòng. Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là vụ án tranh chấp đất lấn chiếm thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cụ Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị L1, bà Bùi Thị P đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Bà Bùi Thị B có văn bản ủy quyền cho ông Bùi Kim Đ, bà B vắng mặt, ông Đ có mặt. Căn cứ Điều 228 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

- Về nội dung vụ án:

[3] Theo trích đo bình đồ hiện trạng thửa đất trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Bùi Kim Đ có ghi: Phía bắc giáp ông Bùi Kim T dài: 13,0m; phía nam giáp đường dài: 12,3m; phía tây giáp ông Hoàng Đình S và ông Bùi Kim T dài: 10,6m; 1,8m; 12,0m; 8,5m; phía đông giáp đường dài 22,7m; 5,5m. Nguồn gốc đất của ông Đ do tổ tiên để lại

Theo Biên bản thẩm định tại chỗ thì đất của ông Bùi Kim Đ có các kích thước sau: Phía bắc, giáp đất ông Bùi Kim T, kích thước: 14,75m; phía nam giáp đường trục xã, kích thước: 13,55m; phía tây giáp ông S và ông Bùi Kim T (do D quản lý sử dụng), kích thước: 11,0m; 2,35m; 8,70m; 12,80m; phía Đông giáp đường trục xã: 29,0m. Tổng diện tích đất theo hiện trạng của gia đình ông Đ là $456,6m^2$.

[4] Theo trích đo bình đồ hiện trạng thửa đất trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Bùi Kim T do ông Bùi Kim D sử dụng đã xây dựng các công trình trên đất có các chiều: Phía bắc giáp ông Hoàng Đình S : 13,3m; phía nam giáp đường: 4,0m; 8,5m; phía tây giáp ngõ xóm: 21,8m; phía đông giáp ông Bùi Kim Đ : 14,6m; 6,9m. Nguồn gốc mảnh đất ông D sử dụng là của cụ Bùi Kim T (bố đẻ ông D), cụ T chết năm 1995 không để lại di chúc.

Theo biên bản thẩm định tại chỗ thì đất của ông Bùi Kim T có các kích thước sau: Phía bắc giáp đất ông S, kích thước: 13,20m; phía nam giáp đường trục xã: 12,75m; phía tây giáp ngõ xóm: 23,05m; phía Đông giáp ông Đ, kích thước: 8,70m; 12,80m. Tổng diện tích của ông Bùi Kim D sử dụng là $285,3m^2$

[5] Diện tích đất trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Bùi Kim Đ là $420m^2$, đo thực tế là $456,6m^2$ thừa $36,6m^2$; diện tích đất đứng tên ông Bùi Kim T (người sử dụng đất là ông Bùi Kim D) là $259m^2$; đo thực tế $285,3m^2$ thừa $26,3m^2$. Tổng diện tích ông Đ, ông D sử dụng đều tăng so với tổng diện tích được cấp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 22-12-2023, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện VB đã có công văn số 300/TN&MT trả lời công văn số 299/CV-TA ngày 12-12-2023 của Tòa án nhân dân huyện VB như sau: Giấy chứng nhận mang tên Bùi Kim T : Đối với mốc 1-2 (phía bắc) ông Bùi Kim D đang sử dụng hiện trạng là 13,2m (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 13,3m) giảm 0,1m so với giấy chứng nhận; mốc 7-8 (phía nam) hiện trạng 12,75m (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 12,50m) tăng so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 0,25m. Đề nghị công nhận kích thước các mốc 1-2; mốc 7-8 theo giấy chứng nhận đã cấp cho ông Bùi Kim T. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Bùi Kim Đ : Mốc 4-5 (phía bắc) hiện trạng là 14,75m (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 13m); mốc 7-6 (phía nam) hiện trạng là 13,55m (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 12,3m) hiện trạng tăng so với giấy chứng nhận đã cấp, đề nghị công nhận kích thước theo giấy chứng nhận đã cấp cho ông Bùi Kim Đ. Mốc 2-3 là phần tranh chấp giữa gia đình ông Đ và gia đình ông D, đo hiện trạng

là 2,35m (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 1,8m) tăng 0,55m. Giáp ranh giữa nhà ông Bùi Kim D và ông Bùi Kim Đ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là một đường thẳng, đề nghị công nhận theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần tranh chấp giữa hai bên hiện trạng là công trình xây dựng của ông D theo chiều bắc nam. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ nhà ông Đ sang nhà ông D theo chiều từ tây sang đông là 1,8m. Đo thực tế từ đất nhà ông Đ đến móng nhà ông D là 2,35m, đất nhà ông D đo thực tế từ tây sang đông là 13,2m, thiếu 0,1m.

[6] Đối với phần diện tích tăng của ông Đ : Cạnh phía bắc giáp ông T 14,75m, tăng 1,75m, cạnh phía nam giáp đường 13,55m, tăng 1,25m; cạnh phía đông: 29,0m; phía tây: 11,0; 2,35m; 8,70m; 12,80m đều tăng so với giấy chứng nhận. Theo ông Đ , diện tích tăng do gia đình ông lấn ra mương tập thể. Đối với diện tích đất tăng của ông D . Cạnh phía nam (giáp đường) là 12,5m (tăng 0,25m); phía tây 23,05m; phía đông: 8,70m; 12,80m tăng so với giấy chứng nhận. Theo ông D diện tích tăng do gia đình ông lấn ra mương về phía nam và ngõ xóm về phía tây (0,25m). Tại báo cáo số 24/BC-UBND ngày 27-7-2022 và báo cáo số 44/BC-UBND ngày 08-9-2022 của Ủy ban nhân dân xã CA xác nhận không có căn cứ pháp lý để xác định nhà ông D và ông Đ đã lấn ra thế nào và lấn ra bao nhiêu. Tuy nhiên đất ở của ông Đ và ông T (do ông D sử dụng) đều đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1995. Năm 2021 ông D xây nhà có đồ bê tông mi chắn nước chạy dọc theo đầu hồi nhà phía đông luôn vào hàng mi ngói mũi của ông Bùi Kim Đ , do đó mỗi khi mưa, nước thấm qua tường vào công trình của ông Đ nên hai bên xảy ra mâu thuẫn. Từ ngày 29-31/8/2022 ông Bùi Kim Đ đã tự ý tháo dỡ ngôi nhà của gia đình ông giáp với ngôi nhà của gia đình ông Bùi Kim D . Hiện tại phần tranh chấp giữa hai bên là công trình xây dựng của nhà ông D theo chiều bắc nam. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ nhà ông Đ sang nhà ông D theo chiều từ tây sang đông là 1,8m, đo thực tế từ nhà ông Đ đến móng nhà ông D là 2,35m, đất nhà ông D đo thực tế 13,2m, thiếu 0,1m. Như vậy mốc 2-3 theo chiều tây đông tính từ đất nhà ông Đ sang móng nhà ông Bùi Kim Đ , đất của ông Đ thừa 0,45m so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[7] Hai bên xác nhận đoạn tường xây làm ranh giới từ nhà chính của ông Bùi Kim D đến đường trục xã theo chiều bắc nam là do ông Bùi Kim Đ xây dựng trước khi ông D xây nhà. Giáp ranh đất giữa hai nhà là một đường thẳng, tường nhà của ông D dài 8,7m, tiếp đến tường ngăn do ông Đ xây dài 12,8m. Trong khi đó phần đất tranh chấp giữa ông Đ ông D thì ông Đ có diện tích lớn hơn so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp. Vì vậy yêu cầu của ông Đ buộc ông D phải trả 6,16m² đất theo chiều ngang 0,3m, chiều dài 20,5m không có căn cứ, không được chấp nhận.

[8] Đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải tháo dỡ phần xây dựng móng, mi đưa sang khoảng không để trả lại diện tích lấn chiếm là 6,16m². Ông D trình bày, ông Đ làm nhà không có lối thoát nước nên gia đình ông đã đổ mi đưa ra khoảng không để chắn nước dẫn đến nước mưa thấm vào tường nhà ông Đ nên ông Đ đã phá nhà. Qua khảo sát phần mi đưa ra là 0,34m² kích thước phía bắc 0,2m, phía đông, tây 3,45m. Theo quy định tại Điều 175 Bộ luật Dân sự quy định: Người sử dụng đất được sử dụng không gian và long đất theo chiều thẳng đứng từ ranh giới của thửa đất phù hợp với quy định của pháp luật và không được làm ảnh hưởng đến việc sử dụng đất của người khác. Tại phiên tòa, ông D xin tự nguyện tháo dỡ phần mi đưa sang đất của ông Đ. Xét yêu cầu của ông D là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với pháp luật. Do đó buộc ông D phải tháo dỡ 0,34m² mi đưa ra để trả lại phần khoảng không đất cho ông Đ quản lý sử dụng.

[9] Về chi phí thẩm định, định giá tài sản: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên nguyên đơn chịu 1/2 chi phí đo đạc thẩm định, định giá tài sản. Bị đơn chịu 1/2 chi phí đo đạc thẩm định định giá tài sản. Nguyên đơn đã nộp 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng) nên bị đơn phải trả nguyên đơn 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng) là chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

[10] Về án phí: Nguyên đơn là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên không phải chịu án phí dân sự S thẩm. Bị đơn phải chịu án phí dân sự S thẩm theo quy định của pháp luật

[11] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ hoặc bản án được niêm yết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, Điều 35; Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165, Điều 266, Điều 273, Điều 228 của Bộ luật Tố T ng dân sự;

Căn cứ các Điều 175, 176, 250 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 170, Điều 202, Điều 203 Luật Đất đai;

Căn cứ Điều 33, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 6, Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu của ông Bùi Kim Đ buộc ông Bùi Kim D phải tháo dỡ móng nhà trả lại đất cho ông Đ là 6,16m² về phía tây tại thửa đất số 859; 860, tờ bản đồ số 4, Xóm A, CA, huyện VB, thành phố Hải Phòng.

2. Buộc ông Bùi Kim D và bà Nguyễn Thị L1 phải có trách nhiệm tháo dỡ phần mi đưa sang khoảng không đất của ông Bùi Kim Đ là 0,34m² tại thửa 862; 861, tờ bản đồ số 4, Xóm A, CA, huyện VB, thành phố Hải Phòng. Kích thước theo các điểm: 2; 3; 4; 11 (có S đồ kèm theo).

3. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Bùi Kim D có trách nhiệm trả ông Bùi Kim Đ số tiền là 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm đồng) là chi phí thẩm định, định giá tài sản.

4. Về án phí: Ông Bùi Kim Đ không phải chịu án phí dân sự S thẩm. Ông Bùi Kim D phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự S thẩm.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện VB;
- VKS ND thành phố Hải Phòng;
- Chi Cục Thi hành án dân sự huyện VB;
- Lưu hồ S vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ S THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thương Huyền